**THẨM ĐỊNH VỀ NGÔN NGỮ ĐỐI VỚI**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (Phần 2)**

**ThS. Nguyễn Thị Thu Na**

**\* Việc thẩm định ngôn ngữ đối với văn bản quy phạm pháp luật đặt ra đối với người thẩm định các yêu cầu sau:**

*Thứ nhất*, hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành văn bản. Mỗi cơ quan nhà nước có những nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định và để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đó cơ quan nhà nước ban hành những văn bản pháp luật với những hình thức pháp lý nhất định. Mỗi loại văn bản quy phạm pháp luật lại có cách viết riêng và nội dung của nó phải được thể hiện dưới các hình thức quy phạm. Do đó, cơ quan thẩm định phải trả lời câu hỏi là với nội dung dự thảo như vậy thì sử dụng hình thức pháp lý nào là phù hợp.

*Thứ hai*, để đảm bảo ngôn ngữ sử dụng thể hiện đúng nội dung văn bản, cũng như tránh tình trạng người thẩm định hiểu sai và dẫn tới sửa sai ý đồ của cơ quan ban hành, khi thực hiện thẩm định ngôn ngữ cần xác định rõ về mục đích, ý đồ của dự thảo văn bản, hiểu nội dung cơ bản của văn bản. Trong quá trình thẩm định nói chung và thẩm định về ngôn ngữ nói riêng, nếu có nghi ngờ, băn khoăn về nội dung, cơ quan thẩm định có thể yêu cầu cơ quan soạn thảo làm rõ những vấn đề thuộc nội dung và ý đồ diễn đạt của mình, đồng thời yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm định.

*Thứ ba*, người thẩm định cần tập hợp các văn bản pháp luật có liên quan và hệ thống các sách, từ điển tra cứu.

**Các văn bản pháp luật và tài liệu cần tập hợp bao gồm:**

- Các văn bản pháp luật quy định về sử dụng ngôn ngữ trong văn bản như quy định về quy tắc viết hoa, chính tả, phiên âm tiếng nước ngoài.v.v... hay các sách chuyên khảo về văn phong, ngôn ngữ văn bản pháp luật.

-  Các loại từ điển thuật ngữ pháp luật, hành chính, các loại từ điển ngôn ngữ phổ thông cũng như từ điển chuyên ngành liên quan đến nội dung dự thảo văn bản để làm công cụ tra cứu từ ngữ, thuật ngữ.

- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến nội dung của dự thảo. Việc tập hợp này không chỉ cần thiết khi đánh giá về nội dung mà còn cần khi đánh giá về ngôn ngữ văn bản. Sự thiếu chuẩn xác về ngôn ngữ trong nhiều trường hợp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung văn bản. Ví dụ để tìm hiểu thuật ngữ được sử dụng và giải thích trong dự thảo có thống nhất với văn bản cấp trên và giữa các văn bản cùng cấp hay không thì người thẩm định phải tập hợp các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan để rà soát, đối chiếu.

Thứ tư, người thẩm định cần có kỹ năng nghiệp vụ đánh giá các khía cạnh khác nhau về ngôn ngữ văn bản, nhận dạng lỗi về văn phong, ngôn ngữ, lý giải loại lỗi cũng như hậu quả có thể xảy ra. Và để nhận xét thẩm định có tính thuyết phục cao, phải có khả năng định hướng hay đưa ra được phương án sửa.

Văn bản pháp luật cần đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của một tác phẩm viết, cũng như đối với tác phẩm báo chí hay nghệ thuật. Một tác phẩm viết sử dụng phương thức diễn đạt độc thoại, được suy nghĩ, cân nhắc trước về ngôn ngữ, có tính liên kết, tính thông tin, tính toàn vẹn về kết cấu- suy nghĩ, tính hoàn chỉnh và đầy đủ. Đặc điểm chung của tác phẩm viết là tuân thủ đúng các quy tắc về ngữ pháp và cú pháp.

Bên cạnh đó, văn bản pháp luật có những đặc trưng riêng về sử dụng cú pháp, từ vựng, dấu câu và tính lô gích về kết cấu. Phong cách của văn bản quy phạm pháp luật là phong cách chính thức, truyền đạt mệnh lệnh. Ngôn ngữ văn bản pháp luật không phản ánh ý chí chủ quan của riêng một người mà là ý chí của cả xã hội. Ý chí này mang tính quyền lực nhà nước được thể hiện trong các văn bản pháp luật. Vì vậy trong văn bản quy phạm pháp luật ngôn ngữ không phải hướng tới cảm xúc và tưởng tượng mà hướng tới ý chí, lý trí, thể hiện tính khách quan, trang trọng. Văn bản pháp luật không mô tả sự việc, hiện tượng, các phát minh khoa học, tình cảm, không hô hào khẩu hiệu, không chứng minh, không giải thích và không lôi kéo mà chỉ đưa ra quy tắc hành vi chung cho xã hội. Để ý chí của nhà làm luật đến người thi hành, để đạt được kết quả tác động như mong đợi, cần diễn đạt chính xác, rõ ràng, trong trường hợp ngược lại, có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.

**Khi thẩm định về ngôn ngữ, văn bản cần được đánh giá ở các khía cạnh sau:**

- Phương thức diễn đạt ngôn ngữ đối với các khái niệm pháp lý (các từ lựa chọn và cấu trúc ngữ pháp) phù hợp với ý đồ của chủ thể ban hành.

- Mối tương quan giữa các phương thức trình bày trừu tượng và cụ thể, có tính đến nội dung của vấn đề điều chỉnh và dạng quy phạm dự kiến sử dụng và cách diễn đạt. Việc diễn đạt các quy phạm pháp luật cần phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận của nền văn minh hiện đại, thể hiện đúng ranh giới hành vi được làm và không được làm.

- Tính hệ thống của thuật ngữ, thể hiện ở sự phù hợp và thống nhất về cách sử dụng và giải thích trong hệ thống văn bản pháp luật hiện hành; các khái niệm được giải thích đảm bảo các yêu cầu về tính khoa học, tính lô gích, chuẩn về ngữ nghĩa và ngữ pháp. Tránh việc sử dụng thuật ngữ không chính xác, nhầm lẫn về giới hạn ngữ nghĩa.

- Tính chuẩn mực và rõ ràng trong sử dụng từ: dùng từ chính xác, đúng chính tả, đúng quan hệ kết hợp; tránh đa nghĩa hoặc có sự giới hạn rõ ràng về ngữ nghĩa đối với từ đa nghĩa (trong mức độ nào đó đảm bảo tính thống nhất trong cách hiểu); không nên sử dụng quá nhiều thuật ngữ chuyên sâu, cách viết tắt khó hiểu; tránh lặp từ, từ cổ, từ địa phương, khẩu ngữ, sử dụng hợp lý từ Hán-Việt và từ nước ngoài.

- Tính chuẩn mực và rõ ràng về cú pháp: câu được viết theo đúng quy tắc ngữ pháp tiếng Việt; sử dụng đúng và đồng nhất các loại dấu câu; sử dụng câu kể theo trật tự thuận; sử dụng các phương tiện liên kết giúp đảm bảo tính mạch lạc và rõ ràng trong diễn đạt; không nên dùng câu có kết cấu ngữ pháp phức tạp, câu chính phụ có nhiều tầng nấc, thiếu tính lô gích về kết cấu ngữ pháp trong câu. Đồng thời khi làm đơn giản cú pháp, câu cũng không nên ngắn quá, thiếu các thành phần cần thiết, gây khó hiểu. Sử dụng đúng và đồng nhất về cách trình bày tiêu đề các đề mục.

- Tổ chức kết cấu văn bản đảm bảo lô gích, cân đối, rõ ràng; tránh lặp ý hay mâu thuẫn ý, không tách đoạn hay tách đoạn tuỳ tiện, ngẫu hứng.

Như vậy, trong quá trình thẩm định, cũng như trong quá trình soạn thảo, cần làm việc với văn bản ở cấp độ từ, cấp độ cụm từ và câu, ở cấp độ đoạn văn, ở cấp độ ngữ nghĩa - cú pháp văn bản. Cần đặc biệt đến phân tích ngữ nghĩa của quy định, chuẩn hoá thuật ngữ, cấu trúc lô gích và xu hướng, quy luật phát triển của ngôn ngữ. Kết quả của hoạt động thẩm định còn giúp cho người thẩm định rút ra những nguyên tắc đảm bảo tính chính xác, rõ ràng cho văn bản.

Để việc thẩm định ngôn ngữ đạt chất lượng cao, đòi hỏi có sự đầu tư thời gian, công sức một cách nghiêm túc và công phu. Người thẩm định cần phải có trình độ về ngôn ngữ chuyên ngành, có kiến thức và kỹ năng xử lý về ngôn ngữ, đồng thời am hiểu pháp luật, có kiến thức sâu sắc về văn bản quy phạm pháp luật. Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn trên, thẩm định ngôn ngữ đối với văn bản quy phạm pháp luật cần thực hiện trên cơ sở khoa học liên ngành ngôn ngữ học và luật học.